

Số: 351 /KH-THTU

Nhà Bè, ngày 14 tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH
Kiểm tra định kì cuối Học kì I
Năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 3694/GDĐT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019.

Căn cứ Công văn số 4903/SGDĐT-GDTH ngày 07/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 1276/GDĐT ngày 28/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn 1952/GDĐT ngày 13/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp Tiểu học năm học 2023-2024;

Trường Tiểu học Tạ Uyên thực hiện kế hoạch tổ chức kiểm tra định kì Cuối học kì I năm học 2023 – 2024 như sau:

1. Mục tiêu

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

2. Thời gian kiểm tra cuối học kì I (Theo Công văn 1952/GDDT ngày 13/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về việc Hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp Tiểu học năm học 2023-2024; đồng thời theo quy định tại TT 22 và TT 27).

Cụ thể như sau:

KHỐI THỜI GIAN		KHỐI 1	KHỐI 2	KHỐI 3	KHỐI 4	KHỐI 5
Ngày 26/12/2023 (Thứ Ba)	Sáng				Khoa học	Khoa học
	Chiều			Tiếng Anh		
Ngày 27/12/2023 (Thứ Tư)	Sáng				LS-ĐL	LS-ĐL
	Chiều			Công nghệ		
Ngày 28/12/2023 (Thứ Năm)	Sáng					Tiếng Anh
	Chiều				Tiếng Anh	
Ngày 29/12/2023 (Thứ Sáu)	Sáng				Công nghệ	
Ngày 03/01/2024 (Thứ tư)	Sáng	Tiếng Việt		Tiếng Việt		Tiếng Việt
	Chiều		Tiếng Việt		Tiếng Việt	
Ngày 04/01/2024 (Thứ năm)	Sáng	Toán		Toán		Toán
	Chiều		Toán		Toán	

- Tin học Khối 3,4,5 tổ chức kiểm tra theo Thời khóa biểu các lớp trong tuần từ 26/12/2023 đến 29/12/2023

3. Tổ chức ôn tập, phụ đạo cho học sinh

Các tổ khối xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh chung của khối.

Giáo viên thực hiện kế hoạch ôn tập phụ đạo theo tình hình của lớp và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh học chậm; thông báo lịch kiểm tra, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho học sinh và gia đình các em.

Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 2 buổi/ngày; không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập.

4. Việc ra đề kiểm tra được thực hiện theo các yêu cầu

4.1. Đối với lớp 1, 2, 3, 4

Thực hiện theo điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Đề kiểm tra phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đối với từng khối lớp, từng mạch kiến thức, kỹ năng và cách triển khai các mạch này trong sách giáo khoa nhà trường sử dụng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Giáo viên cần soạn ma trận đề trước khi soạn đề kiểm tra, ma trận đề của mỗi giáo viên cần được tổ chuyên môn thống nhất, cán bộ quản lý xem và góp ý trước khi có thể sử dụng để biên soạn đề.

4.2. Đối với lớp 5

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 3694/GDDT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019.

4.3. Hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học (Xem phụ lục CV 1276).

5. Tổ chức coi kiểm tra

- Hiệu trưởng thành lập Hội đồng kiểm tra, tổ chức thực hiện.

- Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên lớp trên cùng tham gia coi kiểm tra (riêng đối với lớp 5 do giáo viên chủ nhiệm và giáo viên lớp khác khối cùng tham gia coi kiểm tra).

- Phân công giám thị theo tiêu chí: Giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên lớp trên làm giám thị 1 (riêng với khối lớp 5 thì giám thị 1 sẽ là giáo viên lớp khác khối).

6. Tổ chức chấm bài kiểm tra

- Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong khối lớp cùng tham gia chấm bài kiểm tra.

- Điểm bài kiểm tra (đặc biệt là môn Tiếng Việt) được tính theo quy định tại phần 2, mục 2.1 của Công văn số 3287/GDDT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2017 - 2018, cụ thể:

- + Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kỹ năng: kỹ năng Đọc và kỹ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là **tổng điểm** của các nội dung trong từng kĩ năng và **không được làm tròn**. Ví dụ: điểm nội dung Đọc hiểu là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là 8,5.

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là **trung bình cộng** điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết **quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1**. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).

- Bài kiểm tra học sinh phải có lời nhận xét cụ thể về việc thực hiện các kĩ năng, về sự tiến bộ hoặc các phần còn hạn chế.

7. Lưu ý:

- Kiểm tra định kì là hoạt động chuyên môn được thực hiện định kì trong quá trình giáo dục, do đó giáo viên không tạo áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh, không giao quá nhiều bài tập về nhà cho học sinh. Trên lớp, giáo viên ôn bài cho học sinh đầy đủ nhưng tránh học tủ, học vẹt, để hoàn thành tốt nhất bài kiểm tra.

- Giáo viên cần rút kinh nghiệm sau kiểm tra những mặt chưa được, những hạn chế phải khắc phục ở lớp, trường để làm tốt hơn trong thời gian tới.

Trường Tiểu học Tạ Uyên yêu cầu tất cả giáo viên nghiêm túc thực hiện; tổ chức kiểm tra định kì nhẹ nhàng, không để xảy ra các sai sót trong suốt quá trình kiểm tra./.

Nơi nhận:

- PGD & ĐT (để báo cáo)
- Giáo viên (để thực hiện);
- Lưu: VT, CM.



PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ THEO TỪNG MÔN HỌC

(Đính kèm theo công văn số 351/KH-THTU ngày 14 tháng 12 năm 2023)

1. TIẾNG VIỆT

1.1. Về ma trận

Xây dựng ma trận cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kỹ năng cần đánh giá ở mỗi kì. Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn. Linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ điểm giữa đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng với kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết kỹ thuật với kỹ năng viết đoạn văn, văn bản cân đối ở mỗi khối lớp. Linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ cho các mức độ câu hỏi, bài tập.

1.2. Về nội dung

Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Khuyến khích sử dụng văn bản ở ngoài sách giáo khoa cho các nội dung đánh giá. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học vào giải quyết vấn đề; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập mang tính lý thuyết hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

1.3. Về hình thức

Bài đánh giá định kì cần được thiết kế khoa học, diễn đạt trong sáng.

1.4. Về đáp án và biểu điểm

Soạn chi tiết cho từng nội dung đánh giá.

2. TOÁN

2.1. Về ma trận

Căn cứ theo Phụ lục 2 Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục nhà trường đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3, lớp 4; căn cứ vào nội dung dạy học, hệ thống các chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình của môn học đối với lớp 5 để xác định yêu cầu cần đạt, phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình để xây dựng ma trận cân đối giữa các mạch kiến thức, có thể linh hoạt để lồng ghép các mạch kiến thức.

Đối chiếu từng nội dung kiểm tra với bảng tiêu chí quy định các mức độ nhận thức theo Thông tư 27 đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3, lớp 4; theo Thông tư 22 đối với lớp 5 để quyết định câu hỏi ở mức độ nhận thức nào.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3, lớp 4: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 5: mức 1 khoảng 40%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%, mức 4 khoảng 10%.

Sau khi lập bảng ma trận hai chiều cần kiểm tra lại toàn bộ các thông số để đảm bảo đúng cấu trúc, đủ lượng câu hỏi, đúng tỉ lệ điểm cho các mức độ nhận thức; đảm bảo tỉ lệ giữa các mạch kiến thức; tỉ lệ giữa hai hình thức trắc nghiệm, tự luận.

2.2. Về nội dung

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng.

Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (HS nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không HS nào làm được).

2.3. Về hình thức

Hình thức kiểm tra: Kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận

2.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3. MÔN KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

3.1. Về ma trận

Nội dung kiểm tra, giáo viên cần tập trung vào kiến thức cốt lõi và yêu cầu cần đạt, không đánh đố, gây khó cho học sinh. Giáo viên xây dựng ma trận theo 4 mức độ trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

3.2. Về nội dung

Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm trong văn bản hướng dẫn điều chỉnh (Công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 1 tháng 9 năm 2011 về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và các nội dung hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học).

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan và toàn diện.

Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động, trò chơi Đố em hoặc các hoạt động thư giãn có liên quan đến kiến thức Khoa, Sử Địa ...

Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho phụ huynh học sinh tiếp cận với lớp học trong việc phối hợp giáo dục các em.

Môn Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối học kì 1 và cuối năm.

Môn Lịch sử - Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối học kì I và cuối năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

3.3. Về hình thức

Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: Câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Đề kiểm tra có cấu trúc như sau:

a) Môn Khoa học

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

b) Môn Lịch sử - Địa lí

- Phần Lịch sử (5 điểm)

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm)

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

4. MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (LỚP 3, LỚP 4)

4.1. Về ma trận

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận theo 3 mức độ (đối với lớp 1, 2, 3, 4) và 4 mức độ (đối với lớp 5) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

4.2. Về nội dung

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đối với môn Tin học lớp 3, lớp 4: Môn tin học là môn học bắt buộc trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

Đối với môn Tin học ở lớp 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn Tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

Đối với môn Công nghệ lớp 3, lớp 4: Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lí các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

3.3. Về hình thức

a) Môn Tin học

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

- + Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
- + Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:
 - + Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3, 4)
 - + Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 5)

b) Môn Công nghệ (lớp 3, lớp 4)

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

- + Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
- + Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

5. NGOẠI NGỮ 1

5.1. Về ma trận

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học kiến thức, kĩ năng được quy định trong từng bộ tài liệu chính thức, không sử dụng nội dung trong các tài liệu/phần mềm hỗ trợ, để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 theo tỉ lệ mức độ khó sau:

Mức 1 khoảng 50%,

Mức 2 khoảng 30%,

Mức 3 khoảng 20%.

5.2. Về nội dung

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp Tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.

5.3. Về hình thức

Kiểm tra 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.
- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

5.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.